TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2025/DS-PT
Ngày 10/4/2025
V/v: Đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán:Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/3/2025 và ngày 10/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 949/2024/DS-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Đòi tài sản"; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 826/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 506/2025/QĐPT-DS ngày 10/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 2555/2025/QĐPT-DS ngày 28/02/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3950/2025/QĐPT-DS ngày 24/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm: 1952; Địa chỉ cư trú: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm: 1963; Địa chỉ cư trú: Số F T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: 214/9 khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 00297 ngày 11/01/2024); (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: số A Bis L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: số F T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày:

Bà Lê Thị Hoàng O và ông Nguyễn Thành N là vợ chồng hợp pháp theo chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 1 do Ủy ban Nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/1987. Ông Nguyễn Thành N chết vào ngày 03/3/2022 theo Trích lục khai tử số 31/TLKT do Ủy ban Nhân dân Phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2022. Trước khi kết hôn với bà O, ông Nguyễn Thành N có con riêng là bà Nguyễn Thị Xuân P (Sinh ngày 19/4/1963).

Năm 2019, bà P có đến nhà bà O hỏi mượn tiền gia đình của bà O đã dùng số tiền trong sổ tiết kiệm do chồng là ông Nguyễn Thành N đứng tên để cho bà P vay 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng. Nguồn gốc số tiền là do bà O chuyển cho chồng bà O đứng tên sổ tiết kiệm để chủ động chi xài trong sinh hoạt vì sau khi nghỉ hưu chồng bà O chỉ có thu nhập từ lương hưu. Để tránh xích mích trong gia đình, chồng bà O là ông Nguyễn Thành N đã yêu cầu bà P viết giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền ngày 08/11/2019 do bà P viết có nội dung như sau: "*Con tên: Nguyễn Thị Xuân P, Sinh: Ngày 19/4/1963, CMND: 02434229, Có mượn Ba số tiền: 1.430.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng chẵn) Ghi chú: Số tiền vay là mượn dài hạn khi nào Ba cần thì báo trước con 01 tháng để con chuẩn bị trả cho Ba*".

Số tiền 1.430.000.000 đồng mà chồng bà O là ông Nguyễn Thành N cho bà Nguyễn Thị Xuân P vay là tài sản riêng của bà O:

Ngày 12/01/2008, bà Lê Thị Hoàng O đã chuyển 1.250.000.000 (một tỷ, hai trăm năm mươi triệu) đồng sau khi bán lô đất ở Khu phố B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để chồng bà O gởi tiết kiệm, với nhập lãi đến ngày bà P vay (ngày 08/11/2019).

Ngày 17/07/2018, chồng bà O đã lập hợp đồng tặng cho bà O toàn bộ số tiền thuộc 50% quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành N trong việc chuyển nhượng 02 bất động sản trong thời kỳ hôn nhân là 01 căn nhà hoá giá cho vợ chồng bà O (6 Đ, Phường A, Quận C, TP .) và thửa đất ở Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng tặng cho ngày 17/07/2018 – Số Công chứng 007593 – Quyển số 7 tại Văn phòng C1 N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Như vậy, đến ngày 08/11/2019, bà P mượn tiền, số tiền 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng thuộc quyền sở hữu của bà O nên bà O khởi kiện đòi lại toàn bộ số tiền này.

Sau khi chồng bà O mất, bà O đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà P trả tiền cho tôi: 1.430.000.000 đồng cụ thể:

Lần 1: Trong tháng 3/2022, bà O đã thông báo để yêu cầu bà P trả tiền cho bà O.

Lần 2: Ngày 31/7/2022, sau khi bà P đi Úc về bà O đã nhắn tin qua zalo để yêu cầu bà P trả tiền.

Lần 3: Ngày 05/9/2022, bà O trực tiếp đến Công ty TNHH D (F T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà P làm chủ sở hữu và giám đốc để yêu cầu trả tiền.

Về lãi suất vay: Từ tháng 11/2019 đến tháng 9/2022 bà P đã trả đủ số tiền lãi mỗi tháng theo mức lãi suất gởi tiết kiệm của N1 theo từng thời kỳ số tiền lãi từ 9.000.000 đồng/tháng, giảm xuống 7.000.000 đồng. Từ tháng 4/2022 đến tháng 9/2022: 6.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 10/2022 đến nay, sau khi tôi xuống công ty đòi nợ, bà P ngưng luôn không trả lãi cho bà O. Đã hơn 01 năm nay (Từ tháng 3/2022) bà O đã yêu cầu bà P trả tiền vay nhưng bà P vẫn chưa chịu trả và ngưng luôn việc trả lãi vay.

Vì vậy bà O làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân P. Yêu cầu Toà án Nhân dân Quận tân Phú, TP . xét xử các yêu cầu của bà Lê Thị Hoàng O như sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân P trả cho bà O số tiền 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân P trả cho bà O tiền lãi mỗi tháng theo lãi suất tiết kiệm Phúc An L 6 tháng/lãi tháng gởi tại Ngân hành T1, bình quân 9.000.000 đồng/tháng (chín triệu đồng) tính từ tháng 10/2022 đến khi bà P trả xong số tiền 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng. Tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

Ngoại trừ các chứng cứ nêu trên, ngày 01/08/2024, theo yêu cầu bổ sung chứng cứ của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Bà O đã nộp 02 bộ hồ sơ theo biên bản giao nhận gồm: *Tập 1* giải trình các tài liệu chứng cứ về việc đòi lại tiền cho bà P vay 1.430.000.000đ và quá trình trả lãi vay; *Tập 2* giải trình về việc xây dựng mộ phần nhà thờ ở quê chồng ba O. Kèm theo tôi đã có 2 bản giải trình chi tiết về 2 vấn đề này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân P do ông Nguyễn Đăng T là đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 12/01/2024:

Nhận được Thông báo của Toà về Việc bà O "K đòi tài sản" với bà P là vô lý bởi vì không vay mượn gì bà O. Số tiền đó là của cha ruột bà P là ông Nguyễn Thành N để lại cho chị em bà P xây dựng, trùng tu, sửa chữa lại khi mồ mả của tổ tiên dòng họ và lo đám tang, xây mộ cho cha bà P.

Cha ruột bà P là ông Nguyễn Thành N đã chết năm 2022. Trước khi chung sống với bà O, cha bà P kết hôn với mẹ ruột bà P là bà Đoàn Thị L1 và

có 4 người con là: 1. Nguyễn Thị H, SN: 1961 (chết năm 2012); 2. Nguyễn Thị Xuân P, SN 1963; 3. Nguyễn Thị Tuyết M, SN 1967; 4. Nguyễn Anh Đ1, SN 1971.

Trước đây, ông Nguyễn Thành N được Nhà nước cấp nhà tại số F Đ, Phường A, Quận C, TP . và sau khi đến ở với bà O thì bà O yêu cầu cha bà P bán nhà này đi, ông N đã nghe lời bà O và bán căn nhà riêng của mình giá trị thời điểm đó là khoảng 126 lượng vàng. Bà O đã giữ hết số tiền này và bà O mua đất, sau đó bà O xây nhà để ở tại số A T, Phường A, Quận A hiện nay.

Về số tiền mà bà O cho rằng của mình và đòi bà P có nguồn gốc sau:

Tất cả tài sản của cha bà P đều bị bà O giữ hết, ông N chỉ còn lại sổ tiết kiệm nên cha bà P nói với rằng: Cả cuộc đời của cha không lo được gì cho các con, mà các con hàng tháng vẫn gửi biếu tiền để cha xài, C lấy sổ tiết kiệm ra đưa cho con để con và các em xây dựng, trùng tu, sửa chữa lại khu mồ mả của tổ tiên và sau này khi cha chết đi thì các con lấy tiền này lo đám tang và xây mộ cho cha. Tuy nhiên, sau đó bà O biết việc này đã đay nghiến cha bà P suốt ngày đêm, ông N không chịu nổi đã bỏ xuống nhà em trai bà P là ông Nguyễn Anh Đ1 để ở một thời gian. Sau đó, cha bà P đã nghẹn ngào nói là: Con ơi? Bà ấy (O) đay nghiến cha lắm, cha không chịu nổi, thôi thì tạm thời con ký giả bộ mượn số tiền đó để bà O không nhằn cha nữa, con cứ sử dụng tiền này như cha đã căn dặn để cha an tâm. Tôi vì thương cha, vả lại hàng tháng bà P và các em vẫn đều đặn gửi biếu tiền để ông N không bị thiếu thốn gì nên bà P ký vào giấy mượn tiền cha bà P để cha được bình yên không bị bà O đay nghiến nữa.

Khi ông Nguyễn Thành N lâm bệnh không đi lại được, bà O đã không chăm sóc để cha bà P bị nặng thêm, và chị em bà P phải thuê bác sỹ và y tá hàng ngày tới chữa trị và chăm sóc cho ông N cả mấy tháng. Các chi phí ăn uống và chữa trị cho cha bà P đều do chị em bà P bỏ ra, bà O đã không bỏ ra bất cứ chi phí nào.

Số tiền mà cha bà P đưa cho bà P giữ, bà P đã chi trả các khoản như: Xây dựng làm khu nghĩa trang D1 (550 triệu); Lấp bờ mương, làm đường xi măng cốt thép, xây hàng rào ngăn cách nhà dân để vào khu mộ cha tôi (200 triệu); Chi phí (tiền thuốc, thuê bác sỹ, y tá) điều trị tại nhà và cấp cứu nằm viện cho cha tôi (46 triệu); Chi phí đám tang, mua quan tài, thuê xe chở linh cữu, mời Thầy chùa tụng kinh và mời cơm bà con dòng họ cha tôi ở quê (140 triệu); Chi phí xây mộ kim tĩnh cho cha tôi (200 triệu); Chi phí cúng thất (49 ngày) ở các chùa cho cha tôi (136 triệu); Chi phí cúng 100 ngày cho cha tôi (đãi cơm bà con dòng họ) 30 triệu. Tổng cộng các chi phí là: 1.302.000.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ hai triệu đồng). Sắp tới chị em bà P chuẩn bị làm cọc, đổ cát để tránh sụt lở bờ sông do nước sông đã xối mòn vào sát khu nghĩa trang D1. Dự tính chi phí khoảng 300 triệu đồng.

Như vậy, số tiền ông Nguyễn Thành N để lại, chị em bà P đã chi để làm theo ý nguyện của ông N nên việc bà O đòi lại là vô lý.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 22/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân P trình bày:

Thứ nhất: Bà P không vay mượn gì của bà O, bà O căn cứ vào giấy mượn tiền không có địa chỉ người mượn, không có chữ ký, địa chỉ người cho mượn và tên cho người mượn không phải (Nguyễn Thành N) là cha ruột của bà P cũng là chồng của bà O là không đảm bảo về chứng cứ để khởi kiện.

Thứ hai: Bà O không đưa ra được biên nhận tiền hay chuyển khoản qua ngân hàng mà cha bà P là (Nguyễn Thành N) chuyển cho bà P, bởi vì thực tế, bà P không mượn và không nhận số tiền nay từ cha bà P bao giờ.

Thứ ba: Bà O nói rằng nguồn gốc số tiền 1.430.000.000 đồng là tài sản riêng của bà, sau đó bà đưa cho cha cha bà P và cha bà P cho bà P mượn thuộc sổ tiết kiệm đứng tên (Nguyễn Thành N) nhưng bà O cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện nội dung này. Theo nguyên tắc nếu số tiền trên là tài sản riêng của bà O thì bà O phải là người trực tiếp cho bà P mượn và ký đầy đủ giấy tờ vay mượn theo quy định.

Bà O cho rằng số tiền 1.430.000.000 đồng là tài sản riêng của bà đưa cho cha bà P để cha bà P cho bà P mượn nhưng sự thật hoàn toàn không phải vậy, bà P không mượn và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ cha bà P. Những tài liệu và chứng cứ bà O đưa ra là không thuyết phục và không đảm bảo về chứng cứ để khởi kiện theo quy định.

Do đó bà P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan b*à Nguyễn Thị Tuyết M trình bày tại bản tự khai ngày 21/8/2024*:

Bà M được biết, hiện nay bà Lê Thị Hoàng O là vợ sau này của cha bà M đang khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân P (là chị ruột) bà M để đòi tài sản là số tiền 1.430.000.000 đồng, theo bà O đây là số tiền riêng của bà O đưa cho cha bà M để cha bà M đưa cho bà P mượn. Về vụ kiện này bà M có ý kiến như sau:

- Việc bà P có vay mượn tiền của cha bà M hay không bà M hoàn toàn không biết, và từ trước giờ cũng không nghe cha bà M hay bà P nói về khoản vay mượn này.

- Khi cha bà M chết thì chị em bà M đứng ra lo liệu tang lễ, xây mộ cho cha bà M và cải tạo xây dựng khu nghĩa trang dòng tộc bằng tiền của chị em bà M, bà O không bỏ ra đồng nào.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Tuyết M đề nghị quý Tòa không đưa bà M vào tham gia việc thực hiện quyền hay nghĩa vụ để giải quyết vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh Đ1 trình bày tại bản tự khai ngày 21/8/2024:

Ông Nguyễn Anh Đ1 được biết, hiện nay bà Lê Thị Hoàng O là vợ sau này của của cha ông Đ1 đang khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân P (là chị ruột) ông Đ1 để đòi tài sản là số tiền 1.430.000.000 đồng, theo bà O đây là số tiền riêng của

bà O đưa cho cha ông Đ1 để cha ông Đ1 đưa cho bà P mượn. Về vụ kiện này tôi có ý kiến như sau:

- Việc bà P có vay mượn tiền của cha ông Đoàn hay không ông Đ1 hoàn toàn không biết, và từ trước giờ cũng không nghe cha ông Đoàn hay bà P nói về khoản vay mượn này.

- Khi cha ông Đoàn chết thì chị em ông Đ1 đứng ra lo liệu tang lễ, xây mộ cho cha ông Đ1 và cải tạo xây dựng khu nghĩa trang dòng tộc bằng tiền của chị em ông Đ1, bà O không bỏ ra đồng nào.

Vì vậy, ông Nguyễn Anh Đ1 đề nghị quý Tòa không đưa ông Đ1 vào tham gia việc thực hiện quyền hay nghĩa vụ để giải quyết vụ án này.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 826/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân P phải trả lại số tiền 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng và số tiền lãi là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/11/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

** Kháng cáo:*

- Ngày 02/10/2024, Tòa án nhận Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân P trả cho bà O số tiền 1.430.000.000 đồng và tiền lãi 180.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan, phiến diện và không xem xét đầy đủ bản chất của vụ án.

** Tại phiên toà phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không nộp thêm chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào nội dung tin nhắn qua Z giữa bà O và bà P, nội dung ghi số tiền trả lãi trên các bìa thư bà P trả hàng tháng cho bà O và lời khai xác nhận của bà P tại bản tự khai ngày 12/11/2024 thể hiện có phát sinh giao dịch cho vay mượn giữa bà O và bà P, do đó đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay 1.430.000.000 đồng và tiền lãi cho nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 462/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Đăng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Anh Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân P phải trả lại số tiền 1.430.000.000 đồng mà chồng bà (ông Nguyễn Thành N) cho bà Nguyễn Thị Xuân P vay là tài sản riêng của bà O và tiền lãi theo lãi suất gửi tiết kiệm.

Xét, căn cứ Giấy mượn tiền ngày 08/11/2019 có nội dung: *"Con tên: Nguyễn Thị Xuân P, Sinh: Ngày 19/4/1963, CMND: 02434229, Có mượn Ba số tiền: 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Ghi chú:*

Số tiền vay là mượn dài hạn khi nào Ba cần thì báo trước con 01 tháng để con chuẩn bị trả cho Ba" thể hiện bị đơn có mượn của ông Nguyễn Thành N (cha bị đơn) số tiền 1.430.000.000 đồng. Tại bản khai ngày 12/11/2024 bà P khai số tiền bà O khởi kiện là do cha bà (ông Nguyễn Thành N) để lại cho anh chị em bà lo mồ mả, bà P xác nhận có ký vào giấy mượn tiền nhằm để cha bà không bị bà O đay nghiến. Như vậy có cơ sở xác định bà P có mượn của cha là ông Nguyễn Thành N số tiền 1.430.000.000 đồng, lời khai của bà P cho rằng số tiền này ông N để cho chị em bà xây mồ mả là không có cơ sở vì không có chứng cứ thể hiện.

Xét, nguyên đơn cho rằng số tiền 1.430.000.000 đồng ông Nguyễn Thành N (là chồng của nguyên đơn) cho bà Nguyễn Thị Xuân P mượn là tài sản riêng của nguyên đơn vì nguyên đơn đã chuyển 1.250.000.000 đồng vào tài khoản của ông N ngày 12/01/2008 sau đó năm 2019 ông N rút số tiền này cho bà P mượn và ông N đã làm hợp đồng tặng cho bị đơn số tiền này theo Hợp đồng tặng cho ngày 17/07/2018, Hội đồng nhận thấy: Nguyên đơn không có chứng cứ hoặc tài liệu nào chứng minh số tiền ghi trong giấy ngày 08/11/2019 có nguồn gốc từ tiền của nguyên đơn chuyển vào tài khoản cho ông N ngày 12/01/2008 và tại Hợp đồng tặng cho ngày 17/07/2018 không có nội dung thể hiện ông N tặng cho bà O số tiền 1.430.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền ngày 08/11/2019, nội dung các tin nhắn zalo, các bao thư có ghi số tiền do nguyên đơn nộp không thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mượn tiền nên không có cơ sở xác định số tiền 1.430.000.000 đồng mà ông N cho bà P mượn tài sản riêng của nguyên đơn.

Do đó, xét giữa nguyên đơn và bị đơn không xác lập giao dịch dân sự mượn tiền, số tiền 1.430.000.000 đồng ông N cho bà P mượn không phải là tài sản riêng của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bà P hoàn trả số tiền 1.430.000.000 đồng và tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 15/01/1987 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận C Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O và ông Nguyễn Thành N là vợ chồng, ông Nguyễn Thành N đã chết ngày 03/03/2022 (theo Trích lục khai tử số 719/TLKT-BS ngày 08/8/2022) nên số tiền 1.430.000.000 đồng là di sản của ông N. Trong vụ án này nguyên đơn bà O không yêu cầu tranh chấp tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu chia thừa kế và những người liên quan thuộc hàng thừa kế của ông N không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Thành N là số tiền 1.430.000.000 đồng cho bà P mượn nên Tòa án không xét, dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[2.2] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; Nội dung kháng cáo yêu

cầu sửa bản án sơ thẩm của nguyên đơn không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, nhưng do bà Lê Thị Hoàng O là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 116, 166, 221, 234, 274, 275, 463 và Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 826/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân P phải trả lại số tiền 1.430.000.000 (một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu) đồng và số tiền lãi là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/11/2019.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Hoàng O được miễn án phí vì là người cao tuổi.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hoàng O được miễn án phí vì là người cao tuổi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Tân Phú, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Anh Minh